TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02**/2021/LĐ-ST
Ngày 25/6/2021
"Về việc tranh chấp kiện đòi tiền lương và tiền đóng các loại bảo hiểm bắt buộc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tân và bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà*:** Ông Vũ Đức Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 03/2020/TLST-LĐ ngày 12/10/2020 về việc tranh chấp kiện đòi tiền lương, tiền đóng các loại bảo hiểm bắt buộc, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm ngừng phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Đức Ng**, sinh năm 1982; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số 370 đường 208 An Đ, An D, TP. Hải Phòng; (có mặt).

- Bị *đơn*: **Cục Q**; Trụ sở: Số 14B BS, P. QT, TP. Hải Dương, Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Trọng Th – Phó Cục trưởng Cục Q (theo văn bản Giấy ủy quyền số 496/UQ-Cục Q ngày 19/10/2020 của Phó Tổng cục trưởng- Phụ trách Cục Q tỉnh Hải Dương); (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ **BH tỉnh Hải Dương**; Trụ sở: Số 07, đường Thanh Niên, TP. Hải Dương, Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Mạnh T- Phó trưởng Phòng quản lý thu của BH tỉnh Hải Dương (theo văn bản Giấy ủy quyền ngày 09/3/2021 của Giám đốc BH tỉnh Hải Dương); (có mặt).

+ Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1962 - Nguyên là Quyền Cục trưởng Cục Q.

Nơi ĐKHK: Số 16 Trần Sùng D, phường HT, TP. Hải Dương, Hải Dương.

Nơi làm việc: Cục Q; địa chỉ: Số 14B BS, phường QT, TP. Hải Dương;

(vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Mạc Văn Ph, sinh năm 1980; địa chỉ công tác: Đội Q số 5- Cục Q tỉnh Hải Dương; địa chỉ cư trú: Khu 12, P. HT, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

+ Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1979; địa chỉ công tác: Đội Q số 3- Cục Q tỉnh Hải Dương; địa chỉ cư trú: Số 66 Thiện Kh, P. HT, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1968; địa chỉ công tác: Trưởng phòng Tổ chức- Hành chính Cục Q tỉnh Hải Dương; địa chỉ cư trú: Số 79 HB, P. QT, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Nguyễn Hùng Th2, sinh năm 1976; địa chỉ công tác: Phó Trưởng phòng Tổ chức- Hành chính Cục Q tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1991; Địa chỉ: Đội 4, Đỗ T, Phạm K, Thanh M, Hải Dương.

(Có mặt ông Th2, những người còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 07/4/2016 Chi Cục Q (nay là Cục Q- viết tắt là Cục Q tỉnh) do ông Nguyễn Thanh H – Chi cục trưởng, đại diện cho chủ sử dụng lao động ký hợp đồng lao động số 93/HĐLĐ-Q với anh Nguyễn Đức Ng là người lao động. Đây là hợp đồng lao động không xác định thời hạn, công việc là lái xe cơ quan và nghiên cứu thị trường theo nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng lao động; mức lương: xếp lương theo ngạch lái xe cơ quan, mã số ngạch 01.010, bậc: 1/12, hệ số: 2.05; hình thức trả lương: trả theo tháng. Ngoài ra còn thỏa thuận các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động.

Ngay sau khi ký hợp đồng, kể từ ngày 01/6/2016, anh bắt đầu đi làm và được phân công làm việc ở Đội Q số 7, do anh Nguyễn Văn Tr là đội trưởng. Do Đội không bố trí được công việc lái xe nên phân công anh làm công việc nghiên cứu thị trường. Anh đi làm đảm bảo ngày công và chấp hành đúng nội quy, quy chế của cơ quan trong suốt quá trình làm việc. Tuy nhiên, từ tháng 8/2017 Cục Q tỉnh nợ lương, chưa thanh toán cho anh. Đến khoảng cuối năm 2018 (ngày, tháng cụ thể anh không nhớ), do sáp nhập các đội 6,7,8,9 thành một Đội Q số 6 nên anh thuộc Đội Q số 6, do anh Mạc Văn Ph là đội trưởng. Ngày đầu tiên sau khi sáp nhập các Đội, anh có đến Đội làm việc. Tuy nhiên, Đội không phân công công việc cho anh. Nên anh báo cáo Đội trưởng cho anh nghỉ làm và được Đội trưởng đồng ý. Do vậy, anh không đến Đội làm việc cho đến khi chấm dứt hợp đồng lao động.

Ngày 25/12/2019, Cục Q tỉnh Hải Dương đã ban hành Thông báo số 406/TB-CụC Q về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với anh. Tuy nhiên, đến

nay Cục Q tỉnh không giải quyết chế độ lương, bảo hiểm cho anh. Vì vậy, ngày 04/6/2020 anh nộp đơn khởi kiện đến Tòa án và được Tòa án hướng dẫn làm thủ tục hòa giải tại Phòng Lao động Thương binh và xã hội thành phố Hải Dương. Ngày 16/9/2020, Phòng LĐTB và XH đã tiến hành hòa giải giữa các bên nhưng không thành. Ngày 28/9/2020 anh tiếp tục nộp đơn khởi kiện đến TAND thành phố Hải Dương. Anh cho rằng, anh đi làm, chấp hành đúng nội quy, quy chế của cơ quan nhưng do người sử dụng lao động không bố trí công việc, nợ lương nên anh mới phải nghỉ làm, lỗi của người sử dụng lao động. Anh yêu cầu Cục Q tỉnh thanh toán tiền lương từ tháng 8/2017 đến khi chấm dứt hợp đồng lao động là hết tháng 12/2019; thanh toán tiền đóng bảo hiểm từ tháng 9/2017 cho đến hết tháng 12/2019; theo mức lương mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Anh không yêu cầu Cục Q tỉnh phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả lương cho anh.

** Bị đơn do người đại diện ông Bùi Trọng Th trình bày:*

Việc ký kết Hợp đồng lao động như anh Ng trình bày là đúng. Sau khi ký hợp đồng, Chi Cục Q tỉnh Hải Dương (nay là Cục Q tỉnh Hải Dương) phân công anh Ng làm việc tại Đội Q số 7, theo Quyết định số 94/QĐ-Q ngày 07/45/2016. Ngày 11/10/2018, Chi Cục Q tỉnh Hải Dương (do Sở Công thương thuộc UBND tỉnh quản lý) thay đổi thành Cục Q tỉnh Hải Dương (do Tổng cục quản lý thị trường, Bộ công thương quản lý) theo Quyết định số 3673/QĐ-BCT ngày 11/10/2018 của Bộ Công thương. Kèm theo quyết định là danh sách các Đội quản lý thị trường, theo đó các Đội Q số 6,7,8,9 sáp nhập thành một Đội là Đội Q số 6. Nên anh Ng thuộc Đội Q số 6, do anh Mạc Văn Ph là đội trưởng quản lý. Vì lý do thay đổi cơ cấu tổ chức, chỉ tiêu biên chế lao động theo Hợp đồng 68 Tổng cục quản lý thị trường giao có hạn, nguồn kinh phí Tổng Cục Q cấp không đủ để chi trả lương cho người lao động nên ngày 25/12/2019, Cục Q tỉnh ban hành Thông báo số 406/TB-CụC Q chấm dứt Hợp đồng lao động với anh Ng.

Theo hợp đồng lao động, công việc chính của anh Ng là lái xe cơ quan và hưởng lương theo hệ số của Lái xe của cơ quan. Khi đi làm, công việc của anh Ng do Đội trưởng sắp xếp. Thời gian làm việc tại Đội Q số 6, anh Ng có đi làm. Sau khi sáp nhập các Đội 6,7,8,9 thành Đội Q số 6, thực tế thời gian này những người lao động theo hợp đồng 68 nằm trong diện vượt quá chỉ tiêu gần như không bố trí, sắp xếp được công việc theo hợp đồng lao động. Tuy nhiên, sau khi hoàn thành sáp nhập các đội, anh Ng không đến Đội số 6 làm việc (từ ngày 06/11/2018). Đội trưởng Đội số 6 đã lập Biên bản làm việc ngày 20/11/2018 và gửi công văn số 75 ngày 26/11/2018 đến Quyền Cục trưởng và Phòng tổ chức, báo cáo về việc anh Ng và một số người lao động theo Hợp đồng 68 không đến Đội làm việc. Anh Ng không báo cáo xin phép nghỉ với lãnh đạo Cục Q tỉnh, là vi phạm Quy chế làm việc năm 2014 của Cục Q tỉnh. Quy chế làm việc đã phổ

biến cho người lao động và dán công khai tại bảng tin của trụ sở Cục và các Đội Q.

Về tiền lương tháng trả cho anh Ng là theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng lao động, cụ thể tính lương tháng anh Ng được hưởng là: mức lương cơ sở nhân với hệ số lương 2,05, trừ đi khoản tiền đóng các loại bảo hiểm bắt buộc (mà người lao động phải đóng, tổng là 10,5%) và cộng với phụ cấp công vụ 620.125đ.

Hợp đồng lao động với anh Ng thuộc một trong các trường hợp nằm ngoài chỉ tiêu biên chế mà UBND tỉnh giao, nên từ sau tháng 9/2017 UBND tỉnh dừng cấp ngân sách, Chi cục tự cân đối nguồn trả lương cho người lao động. Do không có nguồn kinh phí trả lương và đóng bảo hiểm cho người lao động, nên từ tháng 8/2017 Cục Q chưa trả lương và từ tháng 9/2017 chưa đóng bảo hiểm cho một số người lao động trong đó có anh Ng. Nhưng Cục Q không chấm dứt hợp đồng lao động ngay, mà đến ngày 25/12/2019 mới chấm dứt là do của ông Nguyễn Thanh H (Quyền Cục trưởng) không giải quyết dứt điểm.

Nay, anh Ng khởi kiện, quan điểm của Cục Q tỉnh đồng ý trả tiền lương, đóng các loại bảo hiểm đối với thời gian người lao động thực tế có đi làm. Đối với thời gian làm việc tại Đội Q số 6, anh Ng không đi làm nên không được hưởng lương và đóng bảo hiểm.

Đối với trách nhiệm của ông Nguyễn Thanh H ký hợp đồng lao động với anh Ng vượt quá chỉ tiêu biên chế được giao, Cục Q tỉnh không yêu cầu xem xét trách nhiệm của ông H trong vụ án này. Hiện nay, ông H vẫn đang công tác tại Cục Q tỉnh Hải Dương nhưng thôi chức vụ quản lý. Các văn bản tố tụng của Tòa án, Cục Q tỉnh nhận thay cam đoan đã giao, thông báo cho ông H được biết.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đại diện BH tỉnh Hải Dương trình bày:* Anh Nguyễn Đức Ng đã được Cục Q tỉnh Hải Dương đóng các loại bảo hiểm bắt buộc gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 6/2016 cho đến hết tháng 8/2017. Từ tháng 9/2017 Cục Q tỉnh Hải Dương báo nghỉ theo danh sách báo giảm biên chế nên không đóng các loại bảo hiểm cho anh Ng. Tiền lương tháng để đóng bảo hiểm là lương cơ sở nhân hệ số lương 2,05. Theo quy định của pháp luật bảo hiểm, người sử dụng lao động đóng 21,5% tiền lương tháng cho người lao động gồm: BHXH 17,5%, BHYT 3%, BHTN 1%; người lao động đóng 10,5 % tiền lương tháng gồm: BHXH 8%, BHYT 1,5%, BHTN 1%. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bảo hiểm xã hội tỉnh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Ng, buộc Cục Q tỉnh phải đóng các loại bảo hiểm bắt buộc thì ngoài số tiền truy thu đóng bảo hiểm, Cục Q tỉnh còn phải trả khoản tiền lãi chậm đóng của ông Nghiêm theo quy định pháp luật BHXH.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H có văn bản đề ngày 19/5/2021 gửi Tòa án:* Theo nhu cầu công việc, năm 2016 Chi Cục Q tỉnh có nhận anh Ng vào làm việc theo hợp đồng lao động 68 là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, cuối năm 2017 có sự thay đổi cơ cấu tổ chức sắp xếp lại mô hình nên lực lượng Q phải tinh giảm biên chế lao động do đó việc trả lương cho người lao động chưa thực hiện được. Nay, trách nhiệm thực hiện của Cục thuộc Lãnh đạo kế tục đương nhiệm. Đề nghị Cục Q tỉnh xem xét cho người lao động theo hợp đồng 68 được có lương khi giảm biên chế.

** Người làm chứng anh Nguyễn Văn Tr* (nguyên là Đội trưởng Đội Q số 7) trình bày: Thời gian từ tháng 6/2017 đến thời điểm sáp nhập các Đội tháng 10/2018, anh Ng làm việc tại Đội Q số 7 do anh là Đội trưởng. Anh Ng đi làm tương đối đầy đủ, thi thoảng xin nghỉ nửa ngày nhưng được sự đồng ý của đội trưởng, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Sau khi sáp nhập các Đội, anh Ng làm việc ở Đội số 6 do anh Mạc Văn Ph quản lý.

** Người làm chứng anh Mạc Văn Ph* (Nguyên là Quyền Đội trưởng Đội Q số 6) trình bày: Sau khi sáp nhập các Đội Q số 6,7,8,9 thành một Đội số 6 thì anh Ng do anh trực triếp quản lý. Đến ngày 05/11/2018, Đội số 6 hoàn thành việc sáp nhập, tiếp nhận cơ sở vật chất và con người. Anh Ng có tham gia buổi tiếp nhận này, sau đó anh Ng xin phép nghỉ làm vì việc gia đình. Nên kể từ ngày 06/11/2018, anh Ng không đến Đội làm việc. Trong thời gian nghỉ, Đội không nhận được sự phản hồi nào của anh Ng. Do anh Ng và một số người lao động theo hợp đồng 68 không đến Đội làm việc nên Đội Q số 6 và Phòng Tổ chức của Q tỉnh lập Biên bản làm việc ngày 20/11/2018 và Đội gửi công văn số 75 ngày 26/11/2018 để báo cáo Lãnh đạo Cục Q tỉnh. Anh Ng không đến Đội làm việc nên Đội không bố trí công việc. Việc lấy lý do Đội không bố trí công việc nên người lao động không có mặt đi làm là vi phạm nội quy, quy chế của cơ quan.

** Người làm chứng anh Nguyễn Đức T1 trình bày*: Sau khi sáp nhập các Đội, anh công tác cùng Đội số 6 với anh Ng, công việc là lái xe. Anh không rõ thời gian, lý do anh Ng nghỉ làm. Còn lý do anh xin nghỉ làm sau khi sáp nhập các Đội là lương thấp, lại nợ lương từ tháng 8 năm 2017, nên anh xin nghỉ làm cho đến khi chấm dứt hợp đồng vào cuối năm 2019. Anh có quan điểm, có đi làm thì mới được hưởng lương, dù Đội không sắp xếp được công việc nhưng vẫn phải có mặt tại Đội. Vì vậy, thời gian anh không đi làm ở Đội số 6, anh không đòi hỏi quyền lợi gì. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Ng, đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

** Người làm chứng ông Nguyễn Văn Th1* (Trưởng phòng Tổ chức hành chính Cục Q tỉnh) trình bày: Việc ký hợp đồng lao động 68 vượt quá chỉ tiêu trong đó có hợp đồng lao động với anh Ng, ông không tham mưu cho Lãnh đạo. Thực tế, khi ký các hợp đồng này không dựa trên công việc hiện có, một công

việc do quá nhiều người đảm nhận, dẫn đến không bố trí được công việc cho người lao động. Nội dung này ông đã trình bày tại buổi làm việc Kết Luận nội dung tố cáo ngày 26/02/2020 do Tổng Cục Q tổ chức. Ngày 20/11/2018 ông và ông Nguyễn Hùng Th2 cùng ông Mạc Văn Ph lập biên bản về việc một số người lao động theo hợp đồng 68 trong đó có anh Ng không đến Đội Q số 6 làm việc từ sau khi sáp nhập các Đội là đúng sự thật.

** Người làm chứng ông Nguyễn Hùng Th2* (Phó Phòng Tổ chức hành chính Cục Q tỉnh) trình bày: Ngày 20/11/2018 ông và ông Nguyễn Văn Th1 cùng ông Mạc Văn Ph lập biên bản về việc một số người lao động theo hợp đồng 68 trong đó có anh Ng không đến Đội Q số 6 làm việc từ sau khi sáp nhập các Đội là đúng sự thật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nhất trí cách tính lương tháng trả cho anh của Cục Q tỉnh. Anh không yêu cầu trả lãi đối với tiền lương chậm trả. Nguyên đơn thay đổi lời khai cho rằng do Đội trưởng Q số 6 không bố trí được công việc nên anh xin về nghiên cứu thị trường ở Hải Phòng cho đến khi chấm dứt hợp đồng, không đến Đội số 6 làm việc. Tuy nhiên, anh không cung cấp được tài liệu chứng minh anh được phân công công việc nghiên cứu thị trường ở Hải Phòng cũng như kết quả công việc thực hiện.

- Đại diện bị đơn ông Th trình bày: Việc ký hợp đồng lao động với anh Ng là sai phạm của cá nhân ông Nguyễn Thanh H, vì Ban cán sự cơ quan không được họp bàn, thông qua. Tuy nhiên, trách nhiệm của ông H trong vụ án này Cục Q tỉnh không yêu cầu Tòa án xem xét. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Cục Q tỉnh luôn bảo vệ quyền lợi của người lao động nhưng trên cơ sở người lao động có ngày công đi làm thực tế và chấp hành quy chế làm việc của cơ quan thì sẽ được hưởng lương và bảo hiểm. Anh Ng cho rằng, anh không đến Đội số 6 làm việc mà xin nghiên cứu thị trường ở Hải Phòng là không đúng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan BH tỉnh Hải Dương do anh Thắng đại diện trình bày: Anh Ng tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp từ khi đi làm nên người sử dụng lao động không phải trả trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động theo Điều 48, 49 Luật lao động năm 2012.

- Người làm chứng anh Nguyễn Hùng Th2 giữ nguyên quan điểm đã trình bày trước đây và xác định Quy chế làm việc của Cục Q tỉnh luôn được niêm yết công khai tại các Đội và trụ sở Cục Q tỉnh nên người lao động phải biết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ

thẩm của BLTTDS. Các đương sự cơ bản chấp hành, riêng người có quyền lợi liên quan ông Nguyễn Thanh H không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng quy định của pháp luật, xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đức Ng về đòi tiền lương từ tháng 8/2017 và đóng các loại bảo hiểm bắt buộc từ tháng 9/2017 cho đến hết tháng 10/2018; không chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi tiền lương và đóng các loại bảo hiểm bắt buộc từ tháng 11/2018 cho đến hết tháng 12/2019. Ngoài ra, Cục Q tỉnh phải trả khoản tiền lãi chậm đóng bảo hiểm của anh Ng cho Bảo hiểm xã hội tỉnh theo quy định của pháp luật bảo hiểm; đề nghị giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lương và tiền đóng các loại bảo hiểm bắt buộc. Bị đơn là Cục Q tỉnh Hải Dương có trụ sở ở số 14B BS, phường QT, TP. Hải Dương. Nên quan hệ tranh chấp về lĩnh vực lao động, cụ thể là đòi tiền lương và tiền đóng các loại bảo hiểm bắt buộc, vụ án thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương, theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lý do, một số người làm chứng vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt những người trên.

[2]. Xem xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Thời điểm giao kết, thực hiện hợp đồng lao động là Bộ luật lao động năm 2012 đang có hiệu lực. Nên cơ sở pháp lý để giải quyết vụ án là Bộ luật lao động năm 2012 và các văn bản hướng dẫn áp dụng Bộ luật này.

Hợp đồng lao động số 93/HĐLĐ-Q ngày 07/4/2016 giữa người sử dụng lao động là Chi Cục Q (nay là Cục Q) và người lao động là anh Nguyễn Đức Ng. Hợp đồng được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ Quyết định số 2115/2006/QĐ-UBND ngày 13/6/2006 của UBND tỉnh Hải Dương về Ban hành quy định về quản lý công tác tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh thì Chi Cục Q tỉnh Hải Dương có thẩm quyền ký hợp đồng lao động 68 với người lao động. Tuy nhiên, theo Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Hải Dương giao biên chế hợp đồng lao động 68 cho Chi Cục Q tỉnh chỉ có 47 chỉ tiêu. Thực tế, thời điểm này, Chi Cục Q tỉnh có đến 68 hợp đồng lao động, vượt 21 chỉ tiêu biên chế. Căn cứ danh sách hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thì Hợp đồng

lao động số 93/HĐLĐ-Q với anh Ng không nằm trong chỉ tiêu biên chế. Vì lý do thay đổi cơ cấu tổ chức, chỉ tiêu biên chế lao động theo Hợp đồng 68 giao có hạn, nguồn kinh phí không đủ để chi trả lương cho người lao động, nên ngày 25/12/2019, Cục Q tỉnh Hải Dương đã ban hành Thông báo số 406/TB-CụC Q chấm dứt Hợp đồng lao động với anh Nguyễn Đức Ng.

Nay các bên đương sự không tranh chấp về các điều khoản trong hợp đồng lao động, nhất trí chấm dứt hợp đồng lao động. Các đương sự đều thống nhất về cách tính lương tháng trả cho người lao động, thống nhất người sử dụng lao động chưa trả lương từ tháng 8/2017 và chưa đóng các loại bảo hiểm bắt buộc từ tháng 9/2017 cho người lao động. Hiện các đương sự còn đang tranh chấp về tiền lương và đóng bảo hiểm trong thời gian anh Ng công tác tại Đội Q số 6 cho đến khi chấm dứt hợp đồng lao động.

* Xét thời điểm tháng 8/2017 cho đến tháng 10/2018: Thời gian này, anh Ng làm việc tại Đội Q số 7, đi làm đầy đủ, hoàn thành công việc, có xác nhận của Nguyên Đội trưởng Đội Q số 7. Nên người lao động phải được chủ sử dụng lao động trả lương tháng và được đóng các loại bảo hiểm bắt buộc. Cục Q chưa thanh toán tiền lương tháng từ tháng 8/2017 và chưa đóng bảo hiểm từ tháng 9/2017 cho người lao động cho đến hết tháng 10/2018 là vi phạm khoản 1 Điều 4 Hợp đồng lao động, Điều 90, Điều 96, khoản 1 Điều 186 Bộ luật lao động năm 2012.

* Xét việc đòi tiền lương và đóng các loại bảo hiểm bắt buộc của anh Ng khi làm việc tại Đội Q số 6 cho đến khi chấm dứt hợp đồng lao động tháng 12/2019: Việc xác định lỗi của người sử dụng lao động không bố trí công việc cho người lao động và lỗi của người lao động vi phạm quy chế làm việc của cơ quan, nghỉ không xin phép Lãnh đạo chỉ có ý nghĩa xem xét lỗi dẫn đến chấm dứt hợp đồng lao động và nghĩa vụ của các bên khi chấm dứt hợp đồng trái pháp luật. Nhưng trong vụ án này, các đương sự đều đồng ý việc chấm dứt hợp đồng, không có tranh chấp về việc chấm dứt hợp đồng lao động, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Ng thay đổi lời khai cho rằng anh không đến Đội Q số 6 làm việc và xin phép đội trưởng về Hải Phòng để nghiên cứu thị trường, tuy nhiên anh không cung cấp được tài liệu chứng minh nên không có căn cứ được chấp nhận. Căn cứ tài liệu Biên bản làm việc đề ngày 20/11/2018 và Công văn số 75 ngày 26/11/2018 của Đội Q số 6 lập để báo cáo Lãnh đạo Cục Q tỉnh, cũng như xác nhận của Đội trưởng Đội Q số 6 có đủ căn cứ xác định: từ ngày 06/11/2018 cho đến khi chấm dứt hợp động, anh Ng nghỉ làm việc. Khi nghỉ làm, người sử dụng lao động và người lao động không thỏa thuận về tiền lương tháng và đóng bảo hiểm trong thời gian nghỉ việc. Vì không đi làm nên người lao động không có thời gian làm việc thực tế, không có năng suất lao động. Căn

cứ Điều 90 Bộ luật lao động năm 2012, khoản 1 và 2 Điều 21, Điều 22 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 4 Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/6/2015 của Bộ lao động- Thương binh và xã hội về hướng dẫn Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015. Nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận buộc bị đơn trả lương tháng cho anh Ng trong thời gian anh nghỉ làm cho đến khi chấm dứt hợp đồng.

Về khoản tiền đóng các loại bảo hiểm bắt buộc: Căn cứ khoản 3 Điều 85 Luật bảo hiểm xã hội 2014 quy định:*"3. Người lao động không làm việc và không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì không đóng bảo hiểm xã hội tháng đó. Thời gian này không được tính để hưởng bảo hiểm xã hội, trừ trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ thai sản".* Anh Ng nghỉ làm từ ngày 06/11/2018 cho đến khi chấm dứt hợp động lao động nên không có căn cứ chấp nhận buộc bị đơn phải đóng các loại bảo hiểm cho anh Ng trong thời gian này.

* Như vậy, khi chấm dứt hợp đồng lao động, Cục Q tỉnh chưa thanh toán tiền lương từ tháng 8/2017 đến hết ngày 05/11/2018 và tiền đóng các loại bảo hiểm từ tháng 9/2017 đến hết tháng 10/2018 nên cần buộc Cục Q phải thanh toán cho anh Ng, cụ thể số tiền như sau:

- Về tiền lương: Lương cơ sở mà Chính phủ quy định từ ngày 01/8/2017 cho đến 30/6/2018 là 1.300.000đ; từ 01/7/2018 đến hết ngày 05/11/2018 là 1.390.000đ. Mức lương thực lĩnh của anh Ng được tính: (mức lương cơ sở nhân với hệ số lương 2,05) trừ đi khoản tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà người lao động phải đóng (tức 10,5%) và cộng với phụ cấp công vụ 620.125đ. Nên, Cục Q tỉnh phải trả tiền lương cho anh Ng từ tháng 8/2017 cho đến hết ngày 05/11/2018 tổng là 46.268.416 đồng.

Do anh Ng tự nguyện không yêu cầu Cục Q tỉnh phải trả tiền lãi do chậm trả tiền lương, nên HĐXX không xem xét giải quyết khoản tiền lãi này.

- Về tiền đóng các loại bảo hiểm bắt buộc: Cục Q tỉnh phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho anh Ng, từ tháng 9/2017 đến hết tháng 10/2018, tổng tỷ lệ là 32% tiền lương tháng của người lao động tại BH tỉnh Hải Dương, trong đó tỷ lệ người lao động đóng là 10,5% tương ứng 3.995.040đ (đã được trừ vào tiền lương tháng của người lao động), người sử dụng lao động đóng 21,5% tương ứng với 8.180.320đ. Tổng số tiền đóng các loại bảo hiểm bắt buộc mà Cục Q tỉnh phải nộp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh là 12.175.360đ. Đối với 05 ngày làm việc của anh Ng trong tháng 11/2018, căn cứ khoản 3 Điều 85 Luật bảo hiểm xã hội 2014 thì tháng 11/2018 không được đóng bảo hiểm.

Do Cục Q tỉnh chậm đóng bảo hiểm cho người lao động nên Cục Q tỉnh phải trả khoản tiền lãi chậm đóng bảo hiểm cho Bảo hiểm xã hội tỉnh tính đến

ngày xét xử 25/6/2021 là 5.388.407đ, theo quy định tại khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội, Điều 5 Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03/02/2016 của Bộ Tài Chính và Công văn số 1379/BHXH-BT ngày 20/4/2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Đối với trách nhiệm của ông Nguyễn Thanh H ký hợp đồng lao động với anh Ng vượt quá chỉ tiêu biên chế được giao, Cục Q tỉnh không yêu cầu xem xét trách nhiệm của ông H trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí lao động có giá ngạch trên tổng số tiền thực hiện nghĩa vụ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 90, Điều 96, khoản 1 Điều 186 Bộ luật lao động năm 2012; khoản 3 Điều 85, khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội 2014; khoản 1 và 2 Điều 21, Điều 22 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đức Ng về đòi tiền lương từ tháng 8/2017 cho đến hết ngày 05/11/2018 và đóng các loại bảo hiểm bắt buộc từ tháng 9/2017 cho đến hết tháng 10/2018; không chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đức Ng đòi tiền lương và đóng các loại bảo hiểm bắt buộc từ tháng 11/2018 cho đến hết tháng 12/2019.

- Buộc Cục Q phải trả tiền lương cho anh Nguyễn Đức Ng từ tháng 8/2017 cho đến hết hết ngày 05/11/2018, tổng số tiền là 46.268.416đ (Bốn mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm mười sáu đồng).

- Buộc Cục Q phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho anh Nguyễn Đức Ng tại BH tỉnh Hải Dương, từ tháng 9/2017 cho đến hết tháng 10/2018, tổng số tiền là 12.175.360đ (Mười hai triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi đồng).

Cục Q phải trả khoản tiền lãi chậm đóng bảo hiểm của anh Ng cho Bảo hiểm xã hội tỉnh tính đến ngày xét xử 25/6/2021 là 5.388.407đ (Năm triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm linh bảy đồng) và còn phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả sau ngày 25/6/2021 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ, theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả

tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Cục Q phải chịu 1.914.965đ (Một triệu, chín trăm mười bốn nghìn, chín trăm sáu mươi lăm đồng) án phí lao động.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự nguyên đơn, bị đơn, người có quền lợi liên quan (có mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Hà